SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PTDTNT THPT TỦA CHÙA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251/BC-DTNTTC

Tủa Chùa, ngày 20 tháng 6 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạ về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện, trường PTDTNT THPT Tủa Chùa báo cáo như sau;

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTNT THPT Tủa Chùa

2. Địa chỉ: TDP Thành Công, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 02153.508.181

- Địa chỉ thư điện tử: ptdtntthpttc@gmail.com

- Cổng thông tin điện tử: dtnttuachua.dienbien.edu.vn

3. Loại hình tổ chức: Trường THPT công lập.

- Trường PTDTNT THPT Tủa Chùa là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông và Quy chế tổ chức và hoạt động các trường công lập, nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông.

Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà nước.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn.

- Đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có.

- Hướng tới hoàn thành sứ mệnh "Công dân toàn cầu là sản phẩm của chúng tôi".

- Phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, giáo dục ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

4.3 Giá trị cốt lõi

- Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Hòa nhập, dũng cảm, đam mê, thích ứng.

4.4. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tinh thần, trách nhiệm
- Sáng tạo đổi mới
- Hợp tác, chia sẻ
- Đoàn kết, dân chủ
- Kỷ cương, nền nếp
- Truyền thống, hội nhập.

4.5. Mục tiêu

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập năm 1964 trường PTDTNT THPT Tủa Chùa có tiền thân là Trường Thiếu niên Dân Tộc. Là một trường chuyên biệt, trực thuộc phòng Giáo dục huyện Tủa Chùa và chỉ có một cấp học Tiểu học. Đây là mô hình đầu tiên được ra đời ở các tỉnh miền núi phía Bắc, với mục tiêu nhằm nhanh chóng phải giải quyết khâu đào tạo cán bộ phục vụ ngay cho yêu cầu ở cơ sở xã, một phần cho huyện và nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc thiểu số huyện vùng cao.

Những năm học đầu tiên trường được đặt tại khu vực bản Tả Phìn, là trung tâm huyện lỵ Tủa Chùa lúc bấy giờ. Tháng 8 năm 1967, trung tâm hành chính huyện Tủa Chùa được sơ tán từ Tả Phìn về Sính Phình, trường Thiếu Niên Dân Tộc huyện lại chuyển về địa điểm mới. Ngôi trường mới được xây dựng trên khu đất Trại Trường, quy mô nhà trường được mở rộng, đội ngũ giáo viên tăng cường, số lượng học sinh cũng tăng lên từ mấy chục em lên gần 100 em.

Tháng 9 năm 1984 trường thành lập lớp đầu tiên học theo chương trình cấp 2. Tháng 4 năm 1988, trường lại chuyển theo huyện xuống trung tâm huyện mới tại xã Mường Báng cho đến hiện nay.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức mô hình nhà trường, năm học 1999-2000 trường Thiếu Niên Dân Tộc nội trú Tủa Chùa được đổi tên thành Trường DTNT huyện Tủa Chùa.

Đến năm học 2009-2010, thực hiện Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Đề án mở rộng quy mô và nâng cấp hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Điện Biên, trường chuyển về dưới sự quản lí của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên với tên gọi là trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa

Trường hiện nay có 02 khu nhà lớp học với 15 phòng học và 05 phòng học chức năng; 01 dãy nhà hiệu bộ; 03 khu nhà nội trú với 56 phòng ở. Trường có diện tích 9.183 m^2, tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 42 người, có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Khóa đầu tiên của nhà trường được chiêu sinh vào năm 1964 gồm 01 lớp 1 với 10 học sinh. Đến nay, trường có: 13 lớp, trong đó khối 10: 03 lớp; khối 11: 05 lớp, khối 12: 05 lớp, với tổng số 451 học sinh.

Năm 2014 trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Trần Đình Văn

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ: TDP Thành Công, xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0969155789; địa chỉ thư điện tử: dinhvan151@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Cơ cấu bộ máy nhà trường:

Thực hiện theo Điều lệ trường nội trú, Điều lệ trường phổ thông, trường PTDTNT THPT Tủa chùa tổ chức cơ cấu gồm các tổ chức, bộ phận sau:

- Chi bộ đảng có 36 đảng viên.

- Đoàn thanh niên có 01 chi đoàn giáo viên và 13 chi đoàn học sinh.

- Nhà trường có 03 tổ trong đó có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng:

+ Tổ Khoa học tự nhiên: có 15 giáo viên.

+ Tổ Khoa học xã hội: có 15 giáo viên.

+ Tổ Văn phòng: có 15 nhân viên.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Trần Đình Văn giữ chức vụ Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 39/QĐ-SGDĐT ngày 25/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Vàng A Khua giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-SGDĐT ngày 16/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm đồng chí Phạm Thị Lưu Quỳnh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-SGDĐT ngày 12/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức.

Thông tin cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ mail
1	Trần Đình Văn	Hiệu trưởng	0969155789	Dinhvan151@gmail.com
2	Vàng A Khua	Phó hiệu trưởng	0969436368	vangakhua@gmail.com
3	Phạm Thị Lưu Quỳnh	Phó hiệu trưởng	0354168758	Luuquynh1984@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TC	CĐ	ĐH	Ths	Hạng I	Hạng II	Hạng III	T	K	Đ	Không đạt
1	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**												
	- Hiệu trưởng	01	0	0	0	01			1				
	- Phó Hiệu trưởng	02	0	0	02	0		2					
2	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	**26**	**0**	**0**	**24**	**02**							
	- Toán	05	0	0	04	01		2	3	2	3		
	- Vật lí	02	0	0	02	0		1	1	1	1		
	- Hóa học	02	0	0	02	0		1	1		2		

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TC	CĐ	ĐH	Ths	Hạng I	Hạng II	Hạng III	T	K	Đ	Không đạt
	- Sinh	02	0	0	02	0			2		2		
	- Tin	02	0	0	02	0			2		2		
	- Ngữ văn	04	0	0	03	01		1	3	2	2		
	- Lịch sử	02	0	0	02	0			2	2			
	- Địa lí	01	0	0	01	0			1	1			
	- Tiếng anh	03	0	0	03	0			3		3		
	- (GDKT&PL)	01	0	0	01	0			1			1	
	- Công nghệ	0	0	0	0	0							
	- GDTC	01	0	0	01	0			1		1		
	- Thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0							
	- Giáo vụ	01	0	0	01	0			1				
	- Tư vấn học sinh	0	0	0	0	0							
	- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0							
3	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**06**	**03**	**0**	**03**	**01**							
	- Thư viện	01	0	0	01	0							
	- Nhân viên kỹ thuật	01	01	0	0	0							
	- Kế toán viên	01	0	0	0	01							
	- Cán sự thủ quỹ	01	0	0	01	0							
	- Văn thư viện trung cấp	01	01	0	0	0							
	- Y tế học đường	01	01	0	01	0							
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**06**	**0**	**0**	**0**	**0**							
1	Nhân viên Bảo vệ	02	01	0	0	0							
2	Nhân viên Phục vụ	0	0	0	0	0							
3	Nhân viên nấu ăn	07 (HĐ)	0	0	0	0							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	Tổng diện tích 9.183 m2 Trung bình 20,36m^2/học sinh.	Tổng diện tích 9.183 m2 Trung bình 20,36m^2/học sinh.

2	Diện tích sàn/người học (m2)	6639,94m^2/454; Trung bình 14,6m^2/học sinh	6639,94m^2/450; Trung bình 14,7m^2/học sinh
3	Tỉ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng	0	0
4	Số đầu sách/người học	15/15	15/15

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất	Diện tích sàn
1	Trụ sở chính	TDP Thành Công, Xã Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	9.183 m^2	6639,94m^2
2	Cơ sở 2	-	-	
3	Phân hiệu	-	-	

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí
1	Xây mới toà nhà	0	0
2	Nâng cấp, sửa chữa toà nhà	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chát lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm thực hiện xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá ngoài vào năm 2020.

Kết quả: Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện công nhận kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. UBND tỉnh Điện Biên đã công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Hàng năm nhà trường thực hiện các xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục các hạn chế, phát huy ưu điểm của đơn vị từ đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia kết quả rèn luyện	**453**	**153**	**114**	**186**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	92,1%	88,2%	90,4%	96,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7,5%	11,1%	8,8%	3,8%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,4%	0,7%	0,9%	0%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
II	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**	**453**	**153**	**114**	**186**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	11,7%	6,5%	14%	14,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	82,8%	80,4%	83,3	84,4
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5,5%	13,1%	2,6%	1,1%
4	Chưa đạt **(**tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
5	Không xếp loại (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm (khối 10+11)**	**267**			
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0%			
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	9,7%			
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0%			
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%			
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp tỉnh/thành phố	27			
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**185**			
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**185**			

VII	**Số học sinh hoàn thành CT**	**453**			
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)**	**%**			
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**211/242**			
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**452**			

2. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

TT	Nội dung	Chia ra theo khối		
		Khối 10	**Khối 11**	**Khối 12**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT; Hướng dẫn tuyển sinh số /SGDĐT GDTrH ngày 10/4/2025 của Sở GDĐT; Học sinh trúng tuyển được phê duyệt theo quyết định của Sở Giáo dục.	Xét lên lớp căn cứ vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh được thực hiện theo quy định của Thông tư số 22/2021/TT BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành;	Xét điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh được xếp loại theo qui định của Thông tư số số 22/2021/TT BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành Công nhận tốt nghiệp THPT căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
II	**Chương trình giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện**	-Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu	Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GDĐT qui định, trên cơ sở Chương trình nhà trường xây dựng phù hợp với đặc điểm học sinh của trường (CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT BGDĐT ngày 26/12/2018). - Học sinh học 06 môn học và 02 hoạt động giáo dục bắt buộc; lựa chọn 04 môn

		hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. -Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. -Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG	trong các môn học còn lại; vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường. -Xây dựng các cụm chuyên đề học tập lựa chọn phải phù hợp với định hướng nghề nghiệp. - Đánh giá HS theo Thông tư 22/2021/TTBGDĐT về đánh giá học sinh THCS, THPT (lớp 10) - Tổ chức học chính khóa ca sáng, ca chiều bố trí học các hoạt động dạy học, ôn tập củng cố kiến thức, ôn HSG - Tổ chức ôn tập, ôn thi tốt nghiệp THPT
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	* Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội: -Trong năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh 3 lần vào dịp đầu năm học, kết thúc học kỳ I và cuối năm học. Trao đổi tình hình học sinh thường xuyên qua giáo viên chủ nhiệm lớp bằng các hình thức như thư liên lạc gửi về gia đình, điện thoại, qua trao đổi trực tiếp với phụ huynh khi cần, qua thông báo với UBND xã có học sinh đang học tại trường. - Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. - Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục của trường. - Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Học sinh phải kính trọng thầy giáo, cô giáo , cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường ; - Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường;		

		- Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tham gia công tác xã hội; - Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường; - Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường; - Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định của điều lệ trường Trung học. - Có thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ; - Lên lớp học tập chuyên cần, không bỏ học vì bất kỳ lí do nào.
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	Có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GDĐT. Có 15 phòng học kiên cố có đầy đủ bàn ghế, 02 phòng học bộ môn, 01 phòng Tin học với 10 máy tính được kết nối internet, 02 phòng học tiếng; hệ thống máy chiếu được lắp đặt đầy đủ 1 chiếc/1 lớp. Thưởng học sinh tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt giải, học sinh đạt học sinh xuất sắc, học sinh giỏi vào cuối kỳ I và cuối năm học. Có nhà ở và bếp ăn tập thể cho học sinh. Điều kiện về điện, nước, văn phòng phẩm đảm bảo đủ cho sinh hoạt và học tập. Môi trường học đường lành mạnh.
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Học sinh yếu, kém được học phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức. Hàng tháng học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kiến thức các môn học, tham gia sinh hoạt tại các CLB theo sở thích, năng lực và nguyện vọng; tham gia các buổi tuyên truyền về: pháp luật, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, môi trường, an toàn giao thông, tư vấn nghề nghiệp. Được nhận các quà tặng của các tổ chức, cá nhân tài trợ. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động mang tính truyền thống có tác dụng giáo dục lớn.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách:

ĐVT: đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)		
Dự toán giao (2)	9.521.010.000	11.326.958000
Dự toán bổ sung (3)		1.882.000.000
Dự toán giảm (4)	18.000.000	
Dự toán thu (1+2+3-4)	9.503.010.000	13.208.958.000
Dự toán chi		
1. Tiền lương	3.822.447.731	55.603.466
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	84.624.000	208.380.225
3. Phụ cấp lương	3.845.010.216	
4. Các khoản đóng góp	975.335.874	74.558.295
5. Tiền thưởng	41.652.000	388.485.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ	43.150.094	91.860.000
7. Phúc lợi tập thể	14.069.086	13.192.000
8. Chi thu nhập tăng thêm		
9. Thanh toán dịch vụ công cộng	51.099.720	148.599.861
10. Vật tư văn phòng	69.703.200	4.000.000
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	37.493.323	
12. Công tác phí	211489.660	
13. Chi phí thuê mướn		
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	108.884.613	166.852.031
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	142.183.493	686.880.926
16. Mua sắm tài sản vô hình	18.506.000	30.000.000
17. Chi khác	37.361.035	60.990.000
18. Chi đảm bảo xã hội hbhs		
19. Học bổng học sinh		10.216.508.811
20. Trợ cấp Tết Nguyên Đán		22.500.000
21.Chi phí thuê mướn		8.800.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI		1.031.747.385
CHUYỂN SANG NĂM 2026		1.031.747.385
KINH PHÍ HỦY		

b. Nguồn dịch vụ: Không

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Miễn giảm học phí	455	60.990.000	

Hỗ trợ chi phí học tập			
Học bổng học sinh khuyết tật			
Hỗ trợ tiền ăn, ở			

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026 và dự kiến năm học 2026-2027

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	**Năm học 2025-2026**			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	
II	**Năm học 2026-2027**			
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	0	
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ năm học	0	
3	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	0	
4	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	0	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	19.200.000	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng		
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng agribank	Đồng		
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng Vietinbank	Đồng		

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2026

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2026	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2026
1	2	3	4
A	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**23.694.447.385**	
1	***Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên***		
	Tiền lương		
	Lương hợp đồng theo chế độ		
	Phụ cấp lương		
	Các khoản đóng góp		
	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		
	Vật tư văn phòng		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		
	Công tác phí		
	Chi phí thuê mướn		

	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		
	Mua sắm tài sản vô hình		
	Chi khác		
2	***Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên***	**23.694.447.385**	**10.318.492.920**
	Tiền lương		1.960.777.067
	Phụ cấp lương		1.982.530.965
	Phụ cấp làm thêm giờ		
	Lương hợp đồng theo chế độ		153.534.306
	Tiền thưởng		34.000.000
	Các khoản đóng góp		513.593.701
	Chi khác		7.417.800
	Thanh toán dịch vụ công cộng		78.600.111
	Vật tư văn phòng		26.981.492
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		14.910.552
	Công tác phí		29.075.000
	Chi phí thuê mướn		47.882.543
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		363.503.960
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		72.947.200
	Mua sắm tài sản vô hình		10.000.000
	Hỗ trợ tiền ăn, ở		
	Học bổng học sinh		4.900.698.333
	Chi khác		38.059.890
	Chi trợ cấp Tết Nguyên Đán		81.720.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông trong nhà trường;

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Cổng trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm;

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho giáo viên và học sinh. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD và Hoạt động trải nghiệm…

2. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

- Giáo dục cho học sinh niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục như cho học sinh tăng cường hoạt động trải nghiệm…Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn;

- Cơ bản trang bị cho học sinh những kiến thức kĩ năng lao động cần thiết tuy nhiên việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng.

3. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường. Triển khai thực hiện Đề án 06 trong toàn trường.

Trên đây là báo cáo công khai các hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 của trường PTDTNT THPT Tủa Chùa./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT;
- Đăng Website, bảng tin trường;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỦA CHÙA

Trần Đình Văn